TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2019
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Vân**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Đỗ Thị Ngọc Sanh**
2. Ông **Trần Đại Nghĩa**

- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Lan** - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Phương Hoàng Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61A/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị G**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Số 1507/E ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. *(có mặt)*
- Bị đơn: Anh **Điểu H**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: A2/005, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Giàu trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Điểu H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau được hơn 1 năm rồi đi đến kết hôn. Chị và anh H đã đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/11/2013.

Sau khi kết hôn chị G và anh H sống chung với gia đình bố mẹ chồng tại ấp L, xã Q, huyện T. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng chị tính tình không hợp nên thường xảy ra tranh cãi, xúc phạm danh dự lẫn nhau. Anh H không lo làm ăn, không có công ăn việc làm ổn định nhưng thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say xỉn. Khi say do không làm chủ được bản thân mình nên thường đập phá đồ đạc trong gia đình như bàn ghế, tủ đựng quần áo. Thậm chí có khi còn chửi bới và đánh đập con cái, xúc phạm chị G. Chị G đã nhiều lần khuyên nhủ, góp ý cho anh H để anh H sửa chữa nhưng anh H không khắc phục. Do mâu thuẫn trầm trọng chị G đưa hai con về nhà cha mẹ ruột tại huyện Đ để sinh sống sau đó vào tháng 04/2017 chị G gửi đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện T, sau đó chị đã rút đơn về để anh H có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, vợ chồng chị chung sống được thời gian ngắn thì anh H lại tụ tập bạn bè uống rượu, chơi game không có trách nhiệm với gia đình. Do vậy từ đầu năm 2018, chị G lại phải đưa các con về nhà cha mẹ ruột ở Đ để sinh sống. Cũng từ đó cho đến nay, anh H không qua lại thăm con, cũng không chủ động liên lạc với chị G. Mâu thuẫn vợ chồng chị cũng đã được gia đình hai bên nhiều lần động viên, hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn để tiếp tục về chung sống, do vậy chị G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Điểu H.

Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 02 (hai) con chung là Điểu Quang T, sinh ngày 06/6/2014 và Điểu Hồng H1, sinh ngày 27/11/2015. Hiện tại các con đang sống cùng chị G, được học tập và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Hiện chị G làm công nhân, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn có cha mẹ ruột của chị phụ giúp lo cho các con nên tạm thời chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Điểu H vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tống đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn anh H vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị G. Giao 02 con chung cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng :

Nguyên đơn chị Trần Thị G khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung", bị đơn anh Điểu H có nơi cư trú tại A2/005, ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Điểu H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Điểu H.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G và anh Điểu H tự nguyện yêu thương nhau và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận kết kết hôn ngày 27/11/2013. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị G và anh H là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo chị G trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2016. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không tu chí làm ăn lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn, tiền anh H đi làm có được đều sử dụng để chơi game và uống rượu không phụ giúp chị G về kinh tế để nuôi con nên vợ chồng thường xảy ra bất đồng, tranh cãi. Do mẫu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 03/2016 chị G đưa con về nhà cha mẹ ruột tại Đ sinh sống. Tháng 3/2017, chị G đã gửi đơn ly hôn tại tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, sau đó chị G rút đơn để vợ chồng có cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh H không thay đổi nên từ đầu năm 2018 đến nay, chị G tiếp tục đưa con về nhà bố mẹ ruột sống.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án anh H không tham gia, cũng không

cung cấp văn bản trình bày ý kiến và tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị G. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh của Tòa án, đại diện chính quyền địa phương nơi cư trú đã xác nhận anh H không có việc làm ổn định nhưng thường xuyên uống rượu say xỉn, đập phá đồ đạc trong gia đình. Chị G cũng báo chính quyền địa phương và đã được đại diện ban ấp khuyên nhủ anh H nhưng chị G vẫn đưa con đi do vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh H đã được tòa án thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng anh H đều vắng mặt, qua đó thể hiện việc anh H bỏ mặc, không còn mong muốn việc hàn gắn quan hệ hôn nhân của chị G và anh H.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của chị G và anh H đã thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, trong thời gian ly thân anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến không có điều kiện hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Xét thấy cuộc sống chung của anh Hi, chị G không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Giàu.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị G, anh Hi có 02 con chung là Điểu Quang T, sinh ngày 06/6/2014 và Điểu Hồng H1, sinh ngày 27/11/2015. Khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét các cháu Điểu Quang T và Điểu Hồng H đang sống cùng chị G ổn định, chị G có công việc và thu nhập bảo đảm cho việc nuôi dưỡng con và tránh xáo trộn đời sống của con trẻ nên giao cháu T, cháu H cho chị Giàu trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đồng thời đảm bảo quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Hi là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G xác định không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có ý kiến trình bày về yêu cầu của mình, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị

Giàu phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Thị G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị G ly hôn anh Điểu H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Điểu Quang T, sinh ngày 06/6/2014 và Điểu Hồng H1, sinh ngày 27/11/2015. Tạm thời anh Điểu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007524 ngày 24/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; chị G đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo : Chị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Thi hành án dân sự H. Thống Nhất;
- Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Kiều Vân